

GIẢI PHÁP NGĂN CHẶN DÀ GIẢM SÚT NHỊP TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

TS. LÊ KHOA

Trong các biện pháp vĩ mô ngăn chặn đà giảm sút nhịp phát triển kinh tế, tăng gia xuất khẩu và tăng gia đầu tư được coi như hàng đầu. Tăng gia xuất khẩu được coi như một trong những hình thức để thực hiện tăng gia đầu tư, vì số ngoại tệ tăng thu nhờ xuất khẩu có thể dùng vào việc nhập máy hay vật tư để thực hiện tăng gia đầu tư. Do đó, tất cả các chương trình kế hoạch nhằm vào việc ngăn chặn đà giảm sút nhịp phát triển kinh tế đều đặc biệt chú ý đến việc tăng gia xuất khẩu.

1. Cơ cấu xuất khẩu Việt Nam (Xem bảng 1)

Các số của Bộ Thương mại đã được sắp xếp theo thứ tự lớn trước nhỏ sau và được phân loại thành hàng nông khoáng sản, công nghiệp thứ cấp, cao cấp và linh tinh. Sau đó, lấy giá trị chia cho số lượng để tìm giá đơn vị.

Thông thường, ở nước ngoài, bên cạnh các giá trị hàng xuất khẩu luôn luôn có ghi rõ số lượng hàng xuất khẩu, từ đó có thể biết được giá đơn vị. Nhưng ở Việt Nam, các thống kê được công bố thường chỉ ghi giá trị xuất khẩu mà thôi, hoặc chỉ ghi số lượng xuất khẩu. Số liệu của Bộ Thương mại tuy có ghi giá trị và số lượng một số hàng nông khoáng sản, nhưng không cho biết số lượng đối với các hàng thủy sản, hàng công nghiệp thứ cấp và cao cấp nên công việc phân tích giá đơn vị của các loại hàng này không thực hiện được.

Hy vọng rằng Bộ Thương mại và các cơ quan thống kê sẽ giúp đỡ các nhà khoa học với các con số đầy đủ và có tính khoa học hơn.

Bảng trên có thể thu gọn hơn như Bảng 2.

Căn cứ trên bảng 1 và 2, có thể cho rằng trên 44% hàng xuất khẩu của Việt Nam thuộc loại nông khoáng sản giá rất rẻ và bấp bênh. Lý do là tỷ lệ hàng linh tinh chiếm đến 22% đến 23% của tổng số giá trị hàng xuất khẩu, nếu phân nửa hàng linh tinh là nông khoáng sản, thì tỷ giá hàng xuất khẩu nông khoáng sản sẽ lên đến 54-55% tổng số giá trị xuất khẩu của Việt Nam.

Giá xuất khẩu nông khoáng sản

rất bấp bênh. Mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là dầu thô, thu được 1,2 tỷ USD năm 1998 và 2 tỷ USD năm 1999. Lý do là giá xuất khẩu tăng từ 100 USD/tấn lên 140 USD/tấn, đồng thời lượng xuất khẩu tăng từ 12 triệu tấn lên 14 triệu tấn. Tuy nhiên, không có gì chắc chắn đảm bảo giá dầu thô sẽ tiếp tục tăng, vì hiện nay trên thế giới cung dầu thô vượt trên cầu và giá dầu năm 1999 giữ được khá cao là do các nước Ả Rập đã đồng ý giảm sản lượng. Nhưng trong khi các nước Ả Rập giảm sản lượng, thì các nước khác trên thế giới lại đẩy mạnh sản xuất, khiến các nước Ả Rập lại phải giảm thêm sản lượng của mình. Trong số các nước Ả Rập, Iraq có tiềm năng sản xuất rất

lớn, nhưng không xuất khẩu được nhiều vì Mỹ cấm vận. Nếu Iraq được phép xuất khẩu dầu, có thể giá dầu thô sẽ giảm mạnh.

- Giá các mặt hàng xuất khẩu khác, như gạo, cà phê, cao su, hạt tiêu đều giảm giá mạnh, than đứng giá và hạt điều lên, nhưng trị giá xuất khẩu hạt điều từ 117 triệu sụt xuống còn 93 triệu USD, lý do là điều thất mùa. Khi điều thất mùa, giá xuất khẩu có tăng, nhưng khi cà phê, gạo, cao su được mùa, thì giá sụt. Mùa màng thất bát làm số thu xuất khẩu giảm, nhưng được mùa nông dân cũng không vui vì giá nông sản xuất khẩu xuống mạnh.

Trên thị trường quốc tế, các nước xuất khẩu nông khoáng sản luôn luôn bị thiệt thòi, do giá xuất khẩu bấp bênh và không ổn định.

- Giá xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp thứ cấp như hàng may mặc, giấy dếp, hàng thủ công cũng không cao vì các nước kém mở mang cạnh tranh với nhau rất gắt và các nước công nghiệp ép giá. Sở dĩ Việt Nam xuất khẩu được những loại hàng này, là vì lương công nhân Việt Nam rất rẻ, chỉ khoảng trên 500.000 đồng tháng, số giờ làm việc rất nhiều mỗi ngày do công nhân lãnh hàng về nhà gia công. Tiền lương công nhân Việt Nam là tiền lương thuộc loại rất thấp trên thế giới.

- Trong các loại hàng công nghiệp

Bảng 1: Tình hình xuất khẩu Việt Nam 1988-1999

Dvt: số lượng 1000 tấn, giá trị triệu USD

Chi tiêu	Thực hiện 1988			Ước thực hiện 1999			
	Số lượng	Giá trị	Giá đơn vị	Số lượng	Giá trị	Giá đơn vị	Giá +/-
A/ Nông khoáng sản							
Dầu thô	12144	1232	0.10	14741	2019	0.14	0.04
Gạo	3749	1024	0.27	4550	1034	0.23	-0.05
Thủy sản		858			982		
Cà phê	381	503	1.32	487	591	1.21	-0.11
Cao su	191	127	0.66	262	145	0.55	-0.11
Hạt tiêu	15	64	4.27	39	137	3.51	-0.75
Than	3162	101	0.03	3276	97	0.03	0.00
Hạt điều nhân	25	117	4.68	15	93	6.20	1.52
Rau quả		57			74		
Chè các loại	32	50	1.56	37	46	1.24	-0.32
Cộng	19667	4083	0.21	23370	5172	0.22	
B/ Công nghiệp thứ cấp							
Hàng dệt may		1450			1682		
Giấy dếp các loại		1031			1400		
Hàng thủ công		111			165		
Cộng		2592			3247		
C/ Công nghiệp cao cấp							
Điện tử máy tính		474			589		
Cộng		474			589		
D/ Hàng linh tinh		2212			2519		
Tổng cộng		9361			11527		

Nguồn: Bộ Thương mại

Bảng 2: Tình hình xuất khẩu Việt Nam 1988-1999

Dvt: số lượng 1000 tấn, giá trị triệu USD

Chi tiêu	Thực hiện 1988			Ước thực hiện 1999		
	Số lượng	Giá trị	%	Số lượng	Giá trị	%
A/ Nông khoáng sản cấp	19667	4083	44%	23370	5172	45%
B/ Công nghiệp thứ cấp		2592	28%		3247	28%
C/ Công nghiệp cao		474	5%		589	5%
D/ Hàng linh tinh		2212	23%		2519	22%
Tổng cộng		9361	100%		11527	100%

cấp cao, chỉ có 1 mặt hàng duy nhất là các linh kiện máy vi tính của 1 hãng Nhật đầu tư ở Việt Nam. Năm 1998 xuất khẩu đạt 474 và năm 1999 đạt 589 triệu USD. Điều đáng tiếc là lượng hàng xuất khẩu cao cấp này chỉ chiếm 5% giá trị xuất khẩu Việt Nam và do 1 công ty nước ngoài thực hiện chứ không phải là 1 công ty quốc doanh Việt Nam

Thành phần cơ cấu hàng xuất khẩu Việt Nam nặng về nông khoáng sản và giá cả bấp bênh như trên là nguyên nhân chính yếu vì sao đà phát triển của chúng ta chậm lại. Năm 1999 có cái may là giá dầu thô tăng so với năm 1988, nhưng không có gì chắc chắn rằng giá dầu thô sẽ tiếp tục tăng trong năm 2000. Lượng dầu thô của Việt Nam không nhiều và nếu tiếp tục khai thác như hiện nay, trong vòng 10 năm tới sản lượng của mỏ Bạch Hổ là mỏ dầu chính của công ty dầu khí Việt Xô sẽ cạn dần. Mặt hàng xuất khẩu nông khoáng sản không nhiều, quanh đi quẩn lại chỉ có thấy dầu thô, gạo, cao su, hàng thủy sản, còn công nghiệp thứ cấp thì chỉ có hàng may mặc và giấy dếp là những thứ mà các nước công nghiệp tiên tiến không sản xuất nữa.

2. Cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam (xem bảng 3)

Qua bảng số nhập khẩu trên, thấy rõ cơ cấu xuất khẩu kém mở mang của Việt Nam: nhập khẩu toàn là hàng đã chế tạo, so với Nhật hay Hàn Quốc chỉ nhập khẩu nông khoáng sản rẽ tiền rồi từ đó này chế tạo ra tất cả những máy móc và hàng tiêu dùng, xuất khẩu cần thiết, thì nước ta đã làm việc ngược lại: nhập khẩu những hàng đã chế tạo hoàn chỉnh như máy móc thiết bị, các hàng tiêu dùng hoàn chỉnh, như ô tô nguyên chiếc, giấy, thép các loại.

Các vật tư của ta nhập khẩu cũng là những sản phẩm gần như hoàn chỉnh để tiêu dùng, như ô tô dạng linh kiện, phôi thép, phân bón các loại, xăng dầu, linh kiện xe gắn máy, chất dẻo nguyên liệu, hoá chất nguyên liệu, tân dược, kính xây dựng v.v...

Ngoài các mặt hàng ghi trong bảng số này, còn những mặt hàng nhập khẩu lậu "chưa ngăn chặn được" mặc dù đã có những văn bản hết sức nghiêm cấm nhập khẩu: như heroin, rượu lậu, thuốc lá ngoại, đường mía v.v...

3. Giải pháp ngăn chặn đà giảm sút nhập tăng trưởng kinh tế

Qua bảng trên đây, muốn tăng gia sản xuất và ngăn chặn đà phát triển kinh tế đang chậm lại, có thể làm những việc sau đây:

- Kiểm tra hàng nhập khẩu lậu gắt hơn để ngăn chặn được việc bán heroin, rượu lậu, thuốc lá ngoại, đường mía và rất nhiều hàng tiêu dùng nước ngoài trên thị trường Việt Nam. Nhiều mặt hàng có thể chế tạo được ở Việt Nam để thay thế hiện nay hàng nước

Bảng 3: cơ cấu hàng nhập khẩu Việt Nam

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 1988		Ước thực hiện năm 1999	
		Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá
I Máy móc thiết bị	Triệu USD		2184.0		2010.0
II Hàng tiêu dùng					
Ô tô nguyên chiếc		-	130.0		86.8
Thép các loại (trừ phôi)	1000 T	937.0	359.0	1360.0	426.5
Giấy các loại	1000 T	162.0	97.2	198.0	109.9
Cộng			586.2		623.2
III Linh kiện và vật tư					
Ô tô dạng linh kiện	Bộ	3874.0	49.0	4524.0	38.3
Phôi thép	1000T	812.0	170.0	915.0	163.7
Phân bón các loại	1000T	3404.0	474.7	3821.0	468.1
Xăng dầu	1000T	6830.0	827.4	7.2	998.7
Linh kiện xe gắn máy	1000 bộ	382.7	350.0	490.0	393.2
Chất dẻo nguyên liệu	1000 T	513.5	316.0	575.0	359.0
Hoá chất nguyên liệu	Triệu USD		235.0		257.0
Tân dược	Triệu USD		312.0		260.0
Kính xây dựng	Triệu USD		12.6		11.5
Cộng			2746.7		2949.5
IV Hàng linh tinh			6010.1		6047.3
Tổng cộng			11527.0		11639.0

Nguồn: Bộ Thương Mại

ngoài đang chiếm lĩnh thị trường đến 60-90% như xe đạp, phụ tùng xe đạp và xe gắn máy, nồi cơm điện v.v... Cần có cơ chế kiểm tra ngoại tệ, thu hút ngoại tệ vào ngân hàng, không cho các nhà nhập khẩu lậu mua ngoại tệ gần như tự do để nhập khẩu lậu. Tiếp theo, cần chấn chỉnh công tác hải quan. Tiếp theo nữa, cần kiểm tra hàng nhập khẩu lậu đang bày bán gần như tự do trên các nhà bán lẻ, tỷ như thuốc lá ngoại được bày bán khắp nơi trên TP Hồ Chí Minh. Nếu tăng cường công tác kiểm tra có khả năng tiết kiệm được từ 1 đến 2-3 tỷ USD hàng năm có thể dùng vào việc nhập khẩu các máy móc.

- Tăng cường việc nhập khẩu thiết bị toàn bộ mà chúng ta chưa có khả năng làm được. Năm 1988, chúng ta chỉ nhập khẩu 2,1 tỷ và năm 1999 2,0 tỷ USD máy móc thiết bị. Rõ ràng rằng với số nhập khẩu máy móc thiết bị ít như trên và do chúng ta chưa chú ý đến việc lập 1 KVSX I để tự sản xuất lấy các máy cần thiết, việc tăng gia đầu tư chủ yếu được thực hiện bằng việc máy nhập khẩu. Tỷ như hiện nay Việt Nam đã có đường ống dẫn khí đồng hành từ mỏ Bạch Hổ vào bờ rồi đưa đến nhà máy điện Phú Mỹ, nhà máy hóa lỏng gas. Tất cả các thành công này đều bắt nguồn từ việc sử dụng một số tiền trên 100 triệu USD thuê Hàn Quốc làm đường ống đưa khí vào bờ. Nếu thay vì chỉ nhập khẩu khoảng 2 tỷ USD máy móc thiết bị, ta tăng lên 4-5 hoặc 6-7 tỷ USD, và dùng khoảng từ 2-3 đến 4-5 tỷ USD để thuê Hàn Quốc hay Nhật hay một nước nào khác làm cho ta "nhà máy chìa khóa trao tay" như nhà máy lọc dầu, đường ống dẫn khí từ mỏ Lan Tây vào bờ, nhà máy điện đăm. Như vậy chỉ cần 1 năm thất lưng buộc bụng nhập khẩu thiết bị hoàn chỉnh kinh tế Việt Nam sẽ có những bước tiến bộ khá mạnh trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá từ nội lực bản thân nền kinh tế quốc gia. Chỉ trong 3 - 5 năm

với chính sách tiết kiệm và sử dụng đúng ngoại tệ như đề nghị trên thì các cần cân vật tư, xuất nhập khẩu sẽ có những thay đổi cơ bản, vì chúng ta đã sản xuất được xăng dầu, phân bón ure, một số linh kiện rời điện tử, xe gắn máy, xe ô tô, một số hàng tiêu dùng công nghiệp cao cấp, như vậy chúng ta không còn xuất khẩu nông khoáng sản thô giá rẻ và nhập khẩu hàng công nghiệp với giá đắt như hiện nay.

- Để có ngoại tệ đưa nhập khẩu thiết bị tăng lên 4-5 hoặc 6-7 tỷ USD, cần phải giảm bớt việc nhập khẩu lậu và cắt giảm một số mặt hàng nhập khẩu trong danh sách bảng 3 (cơ cấu hàng nhập khẩu Việt Nam). Tỷ như hiện nay chúng ta đã có quá nhiều xe gắn máy lưu thông trên đường phố, việc tạm ngưng nhập khẩu 490.000 bộ linh kiện xe gắn máy năm 1999 sẽ tiết kiệm được 393,2 triệu USD để nhập khẩu những công cụ cần thiết, tự chế tạo những linh kiện sẽ không gây khó khăn nào cho đời sống nhân dân, mà trái lại sẽ tạo công ăn việc làm cho rất nhiều công nhân các nhà máy sản xuất linh kiện xe gắn máy. Tương tự như trên, không nên nhập khẩu quá nhiều phân photphat, nồi cơm điện, xe đạp ngoại, đường mía v.v... nhờ đó không những tăng cường lượng ngoại tệ dùng để nhập khẩu thiết bị hoàn chỉnh ngoại, mà còn giúp cho các nhà sản xuất trong nước có được thị trường nội bán chạy nhiều mặt hàng đang ế.

Kết luận: Để giải quyết bài toán ngăn chặn đà giảm tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam, chúng tôi kiến nghị:

- Rà xét lại các mặt hàng nhập khẩu trong bảng 3, cắt giảm các loại hàng không cần thiết và mua ngoại tệ trôi nổi với giá cao, không cho phép dùng ngoại tệ trong thanh toán nội địa thu hút ngoại tệ trôi nổi vào ngân hàng, không cho giới buôn lậu mua được nhiều ngoại tệ để nhập khẩu lậu ■